

**CÔNG TY TNHH BAMBUS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAMBUS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAMBUS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAMBUS VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108870111

**3. Ngày thành lập:** 19/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngõ 106, phố Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869942851

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                              | 1410(Chính) |
| 2.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                        | 1430        |
| 3.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                      | 1392        |
| 4.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                      | 1399        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 8.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4771        |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4774        |
| 10. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                    | 4782        |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 12. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                    | 5621        |
| 13. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629        |
| 14. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất súp và nước xuyết;<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. | 1079        |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                            | 4781        |
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                             | 4791        |
| 19. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                     | 1391        |
| 20. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                    | 4764        |
| 21. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                       | 1075        |
| 22. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3240        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại năm 2005)                                                                                                                        | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN THU HỒNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001183018542

Ngày cấp: 13/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P8-Q1 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P8-Q1 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THU HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001183018542

Ngày cấp: 13/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P8-Q1 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P8-Q1 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội